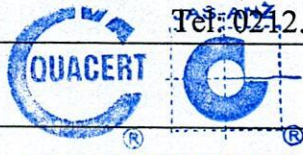


SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-1.0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số : 2026.05.29.19/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô Hiệu – Tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Mỏ Bru Điện – Trạm cấp nước Bru Điện
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2026.05.13/BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
9	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod:0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
10	PH (*)	-	8,0	5,8 - 8,5	TCVN 6492:2011
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	0,505	1	SMEWW 4500 NH3. B &D:2023
12	Florua (*)	mg/l	0,270	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2023
13	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2023
14	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	KPH	3	SMEWW 9221.B:2017

15	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (Lod: 0,031)	5	TCCS HD – 01/01
17	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,5	TCCS HD – 01/01
18	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃) (*)	mg/l	240	500	TCVN 6224:1996
19	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	mg/l	<0,4	15	SMEWW 4500 NO3. D:2023
20	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	mg/l	<0,005	1	SMEWW 4500 NO2. B:2023
21	Chỉ số Pemaganat (*)	mg/l	<0,5	4	TCVN 6186:1996
22	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)	mg/l	140	1500	SOP-AB-TSD
23	Clorua (Cl ⁻) (*)	mg/l	18,89	250	TCVN 6194:1996
24	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	mg/l	17,33	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2023

Sơn La, ngày 29 tháng 05 năm 2026
Giám đốc

Thử nghiệm viên

Kiểm soát



Là Văn Khải



Đỗ Mạnh Thắng



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến.
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số.